

Số: /QĐ-BKHCN Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ
lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Khoa học và Công nghệ**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02/3/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Vụ trưởng Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ, Cục trưởng Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ và Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Vụ trưởng Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ, Cục trưởng Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KHCN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ (để đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ);
- VP (KSTT), ĐTC, KN (để p/h);
- Lưu: VT, CN_{HaiNN}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

Vũ Hải Quân

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1.	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương hoặc các cơ quan, tổ chức trực thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý
2.	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương hoặc các cơ quan, tổ chức trực thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1.	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc các cơ quan, tổ chức trực thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý
2.	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Hoạt động khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc các cơ quan, tổ chức trực thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	1.000626	Thủ tục điều chỉnh nội dung nhiệm vụ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP).	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
2.	1.000617	Thủ tục đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
3.	1.000642	Thủ tục đăng ký xét duyệt hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước chi sự nghiệp KH&CN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
4.	1.000634	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ thuộc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
5.	1.012012	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
6.	1.000605	Thủ tục đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án có sử dụng ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
7.	1.000579	Thủ tục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
8.	1.000566	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
9.	2.000183	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	học và công nghệ	
10.	1.000182	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ
11.	2.000119	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1.	2.000079	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường,	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
----	----------	---	--	---------------------------------	--

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		tính mạng, sức khỏe con người.			
2.	2.002144	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3.	1.006427	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025	Hoạt động khoa học và công nghệ	UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trình tự thực hiện	- Tổ chức đề xuất đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nộp hồ sơ theo quy định đến cơ quan quản lý nhiệm vụ; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ theo Thông báo, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ; - Việc xét tài trợ, đặt hàng được thông qua hội đồng xét tài trợ, đặt hàng (sau đây gọi tắt là hội đồng) và/hoặc ý kiến của các chuyên gia phản biện; - Trên cơ sở biên bản họp hội đồng, trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất; - Tổ chức đề xuất xem xét tiếp thu ý kiến đóng góp của hội đồng, bổ sung dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo; - Cơ quan quản lý nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua Tổ thẩm định; - Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định kinh phí, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất. Tổ chức đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán kinh phí và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận thông báo; - Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì tối đa là 110 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. - Nộp qua dịch vụ bưu chính.

	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: a) Nộp đăng ký ban đầu: - Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ (BM-09). - Thuyết minh nhiệm vụ (BM-10 hoặc BM-11 đối với chuỗi nhiệm vụ). - Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì. - Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ (nếu có, BM-12). - Các tài liệu chứng minh năng lực tài chính, hợp tác quốc tế... (tùy thuộc loại hình nhiệm vụ). b) Hoàn thiện sau họp Hội đồng - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng (BM-13). - Thuyết minh nhiệm vụ đã được chỉnh sửa. - Dự toán kinh phí chi tiết (không quá 05 trang). c) Hoàn thiện sau thẩm định kinh phí - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí (BM-14). - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã hoàn thiện (BM-15). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ; - Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất; - Trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo, tổ chức đề xuất xem xét tiếp thu ý kiến đóng góp của hội đồng, bổ sung dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ; - Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì tối đa là 110 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Các Tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng các điều kiện theo quy định.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương hoặc các cơ quan, tổ chức trực thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Biểu mẫu BM-17).

Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Thuyết minh tổng quát chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Báo cáo giải trình, tiếp thu của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số.....
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cụ thể: 1. Tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức) đề nghị xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau: có tư cách pháp nhân, có năng lực, kinh nghiệm, có chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5. 2. Tổ chức không được xem xét đặt hàng hoặc tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký, tổ chức chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá cuối kỳ hoặc đánh giá nghiệm thu đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức đó chủ trì theo quy định của pháp luật; b) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký, tổ chức chưa hoàn trả đủ kinh phí phải thu hồi theo quyết định/văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền;

	c) Trong thời hạn 01 năm kể từ khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ do có hành vi vi phạm pháp luật; d) Tổ chức đang bị đình chỉ hoạt động, bị xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, bị kỷ luật, bị khởi tố. 3. Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phê duyệt theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng cần chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã kết thúc trong 05 năm gần nhất và đạt được các kết quả và mục tiêu đề ra hoặc được đánh giá từ đạt trở lên. 4. Ngoài quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5, tổ chức đề nghị xét tài trợ hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước còn phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với từng loại hình nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền quản lý loại hình nhiệm vụ đó quy định (nếu có) được quy định tại Điều 6 đến Điều 9 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số /2025/TT-BKHCN ngày /11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST)

Căn cứ kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của ..., chúng tôi đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ với các thông tin sau:

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ¹:

Thuộc lĩnh vực:

- | | | | |
|----------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------|
| Khoa học tự nhiên | ☐ | Khoa học kỹ thuật và công nghệ | ☐ |
| Khoa học y, dược | ☐ | Khoa học nông nghiệp | ☐ |
| Khoa học xã hội | ☐ | Khoa học nhân văn | ☐ |
| Công nghệ chiến lược | ☐ | | |

2. Loại hình nhiệm vụ²:

2.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ³

- | | | | |
|------------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| - Nghiên cứu cơ bản | ☐ | Nghiên cứu ứng dụng | ☐ |
| - Phát triển công nghệ | ☐ | Phát triển giải pháp xã hội | ☐ |

2.2. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế ☐

2.3. Nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ ☐

3. Hình thức triển khai

3.1. Nhiệm vụ ☐

- | | |
|--|--------------------------|
| - Thực hiện theo hình thức liên kết | ☐ |
| - Thực hiện theo hình thức hợp tác công tư | ☐ |
| - Không thuộc 02 trường hợp trên | ☐ |

3.2. Cụm nhiệm vụ ☐

- | | |
|--|--------------------------|
| - Thực hiện theo hình thức liên kết | ☐ |
| - Thực hiện theo hình thức hợp tác công tư | ☐ |
| - Không thuộc 02 trường hợp trên | ☐ |

¹ Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Liệt kê tên các nhiệm vụ thành phần trong cụm, chuỗi nhiệm vụ

² Đối với cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Có thể lựa chọn các loại hình phù hợp với các nhiệm vụ thành phần trong cụm, chuỗi nhiệm vụ

³ Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

3.3. Chuỗi nhiệm vụ⁴

- Thực hiện theo hình thức liên kết ☐
- Thực hiện theo hình thức hợp tác công tư ☐
- Không thuộc 02 trường hợp trên ☐

4. Hình thức xét: ☐ Tài trợ ☐ Đặt hàng**5. Tổ chức chủ trì⁵:**

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email: Website:

6. Người đại diện theo pháp luật

Họ tên: Chức vụ:

6.1. Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì

Cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

Đã cập nhật ☐ Chưa cập nhật ☐**6.2. Thông tin về tổ chức đề xuất**

Cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đã cập nhật ☐ Chưa cập nhật ☐**7. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ⁶:**

- Nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo⁷ ☐
- Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng⁸ ☐
- Không thuộc hai trường hợp trên ☐

Họ tên: Học hàm, học vị:

Đơn vị công tác: Email: Điện thoại:

Lý lịch cá nhân đăng ký chủ nhiệm:

Cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

Đã cập nhật ☐ Chưa cập nhật ☐**8. Tổng kinh phí đề xuất..... đồng,**

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:%.
- Ngoài ngân sách nhà nước⁹:%.

⁴ Yêu cầu có Thuyết minh tổng quát theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 (Biểu mẫu BM-07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

⁵ Đối với chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì cần đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025

Đối với cụm nhiệm vụ, cần liệt kê các tổ chức chủ trì các nhiệm vụ thuộc cụm.

⁶ Đối với cụm nhiệm vụ, cần liệt kê các cá nhân chủ trì các nhiệm vụ thuộc cụm.

⁷Theo quy định tại Điều 54 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

⁸ Quy định tại Điều 55 Luật KH,CN&ĐMST năm 2025; Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

⁹ Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

9. Thời gian thực hiện: tháng (từ đến)

10. Hồ sơ kèm theo (*Liệt kê các hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025*):

11. Cam kết của đơn vị chủ trì về tính chính xác, trung thực của số liệu, thông tin được cung cấp tại thuyết minh nhiệm vụ (*Kèm theo*).
.....

12. Mối liên kết giữa các nhiệm vụ thuộc cụm/chuỗi (nếu có) (*nêu rõ mối liên kết giữa các nhiệm vụ nhằm hoàn thành mục tiêu chung của chuỗi hoặc giải quyết chung một vấn đề của cụm...*)

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC¹⁰
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH,CN&ĐMST
(*Họ tên, chữ ký và đóng dấu*)

¹⁰ Đối với cụm nhiệm vụ: ngoài đơn chung của cụm, cần có đơn đại diện của từng nhiệm vụ thuộc cụm

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO¹¹

1. Tên nhiệm vụ/nhiệm vụ thành phần thuộc cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

2. Loại hình và hình thức triển khai¹²

3. Thời gian thực hiện: tháng (từ đến)

4. Tổng kinh phí đề xuất..... đồng

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:%.

- Ngoài ngân sách nhà nước¹³:%.

5. Đề nghị phương thức khoán chi

☐ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	☐ Khoán chi từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán:triệu đồng
	- Kinh phí không khoán:triệu đồng

6. Chủ nhiệm nhiệm vụ

- Nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo¹⁴ ☐

- Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng¹⁵ ☐

- Không thuộc hai trường hợp quy định ở trên ☐

Họ và tên:.....Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:

Chức danh nghề nghiệp¹⁶: Chức vụ.....

¹¹ Ngoài các quy định chung tại biểu mẫu này, đối với các loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế; các nhiệm vụ thành phần thuộc cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ thực hiện theo hình thức liên kết, hợp tác công tư, thuyết minh cần đáp ứng các yêu cầu cụ thể quy định tại khoản 3, 5, 6, 7 và 8 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

¹² Ghi theo đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

¹³ Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

¹⁴ Theo quy định tại Điều 54 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

¹⁵ Theo quy định tại Điều 55 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

¹⁶ Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ hoặc tương đương.

Điện thoại: E-mail:.....
 Tên tổ chức đang công tác:.....
 Địa chỉ tổ chức:.....

7. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ¹⁷

7.1. Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
 Mã số tổ chức:.....
 Điện thoại:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

7.2. Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức chủ trì

- Nêu tóm tắt các kinh nghiệm, năng lực, cơ sở vật chất, công nghệ, các công trình, dự án đã thực hiện liên quan đến vấn đề nghiên cứu (không quá ½ trang A4):
- Đội ngũ nhân lực thực hiện nhiệm vụ (Trình bày năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ chính, không quá 01 trang A4):

8. Các tổ chức phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ (nếu có)

8.1. Tên tổ chức 1:
 Mã số tổ chức:.....
 Điện thoại:
 Địa chỉ:
 8.2. Tên tổ chức 2:
 Mã số tổ chức:.....
 Điện thoại:
 Địa chỉ:

9. Tính cấp thiết (Luận giải chi tiết về tính cấp thiết của nhiệm vụ)

10. Mục tiêu (mục tiêu chung/mục tiêu cụ thể)

11. Nội dung và phương pháp thực hiện (Liệt kê các nội dung, công việc chính của nhiệm vụ, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung nghiên cứu hoặc hoạt động sản xuất thử nghiệm (nếu có)...)

12. Kết quả dự kiến

(Kết quả/sản phẩm chính dự kiến đạt được của nhiệm vụ và yêu cầu về số lượng và khoa học cần đạt)

12.1. Công bố khoa học

Số TT	Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác	Số lượng	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	Trong nước			
...				
2	Quốc tế			
...				

12.2. Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); quy hoạch; luận chứng kinh

¹⁷ Đối với chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì cần đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

tế-kỹ thuật; báo cáo nghiên cứu khả thi; báo cáo tư vấn chính sách và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
...			

12.3. Mẫu (model, maket); sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường); vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng, vật nuôi và các loại khác.

Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (Theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
...						

12.4. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các loại hình khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
...			

12.5. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học (nếu có)

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
...				

13. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu (Phương thức, địa chỉ ứng dụng, chuyển giao kết quả nhiệm vụ; khả năng thị trường; phương án thương mại hóa; phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nhiệm vụ (nếu có))

14. Dự kiến hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ (

14.1. Đánh giá về dự kiến hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ¹⁸:

14.2. Đánh giá về dự kiến tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ¹⁹:

15. Dự toán kinh phí thực hiện

(Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)

¹⁸ Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025

¹⁹ Đánh giá dựa trên sự phù hợp của kết quả theo nội dung và tiêu chí quy định các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025

STT	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phân theo các khoản chi														
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo												
			Thù lao thực hiện nhiệm vụ; thuê chuyên gia (nếu có)*	Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật*	Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản*	Công tác tổ chức, tham gia hội nghị i*	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn	Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế	Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài	Phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ	Công tác quản lý chung nhiệm vụ (bằng 5% tổng kinh phí thực hiện)	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng kinh phí														
	Trong đó:														
1.1	Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi: b. Kinh phí không khoán chi:														
1.2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước														

* Quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ

16. Quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát

(Xác định, phân tích, đánh giá mức độ tác động và đề xuất biện pháp quản lý, kiểm soát, ứng phó đối với các loại rủi ro có thể xảy ra theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025)

.....

.....

.....

.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện tổ chức chủ trì
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TỔNG QUÁT CHUỖI NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO¹

(Không quá 10 trang A4)

1. Tổ chức chủ trì chuỗi nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Mã số tổ chức:

Điện thoại:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

2. Chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

2.1. Tên chuỗi nhiệm vụ:

2.2. Mục tiêu:

2.3. Dự kiến kết quả:

3. Nhiệm vụ thành phần thuộc chuỗi nhiệm vụ

3.1. Tên nhiệm vụ thành phần 01:

- Mục tiêu:

- Dự kiến kết quả:

3.2. Tên nhiệm vụ thành phần 02:

- Mục tiêu:

- Dự kiến kết quả:

3.3. Tên nhiệm vụ thành phần 03:

- Mục tiêu:

- Dự kiến kết quả:

4. Mối liên kết giữa các nhiệm vụ thành phần nhằm đạt được mục tiêu chung của chuỗi nhiệm vụ bao gồm thời gian, tiến độ thực hiện

5. Kết quả dự kiến và chỉ tiêu đánh giá (Dạng sản phẩm, số lượng, cấp độ công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, giải pháp chuyển giao, chỉ tiêu thương mại hóa, v.v.)

6. Khả năng thương mại hóa (Chỉ rõ điểm mới về công nghệ, sản phẩm, quy trình, mô hình tổ chức; khả năng ứng dụng và thương mại hóa trong thực tiễn).....

7. Dự kiến hiệu quả và tác động (Đối với phát triển KH, CN & ĐMST; tác động đến ngành/lĩnh vực kinh tế – xã hội, môi trường, an ninh – quốc phòng, hội nhập quốc tế ...)

.....

8. Tổng kinh phí đề xuất..... đồng,

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:%

- Ngoài ngân sách nhà nước²:%.

Đại diện tổ chức chủ trì
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 3 và khoản 6 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

² Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

VĂN BẢN CAM KẾT PHỐI HỢP/ĐỒNG TÀI TRỢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO³

Kính gửi: *(Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ KH, CN & ĐMST)*

- Căn cứ thông báo kế hoạch tài trợ/đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của ...;

- Căn cứ đơn đăng ký chủ trì nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ KH, CN & ĐMST;

Chúng tôi gồm các bên dưới đây thống nhất ký Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ:

1. Tổ chức đăng ký chủ trì:

2. Tổ chức phối hợp/đồng tài trợ⁴:

3. Nội dung cam kết phối hợp/đồng tài trợ:

- Đối với cam kết phối hợp: *(Nêu rõ các hoạt động phối hợp)*

- Đối với cam kết về đồng tài trợ: *(Cần có hợp đồng tài trợ, minh chứng về tài chính).*

Các bên cam kết thực hiện đầy đủ nội dung phối hợp/đồng tài trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của thông tin.

ĐẠI DIỆN CÁC BÊN KÝ KẾT

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)

TỔ CHỨC PHỐI HỢP/ĐỒNG TÀI TRỢ⁵
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)

³ Quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

⁴ Liệt kê tên các tổ chức đồng tài trợ (trường hợp có nhiều tổ chức)

⁵ Trường hợp có nhiều tổ chức đồng tài trợ, các tổ chức đồng tài trợ cùng ký và xác nhận

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

(Áp dụng đối với phiên họp Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo⁶)

Kính gửi: “Cơ quan quản lý nhiệm vụ”

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày.....tháng.....năm 20... về việc thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Căn cứ Biên bản họp đánh giá của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày.... tháng....năm.....;

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng và những nội dung chỉnh sửa bổ sung khác⁷ (nếu có) như sau:

TT	Ý kiến kết luận tại Biên bản họp Hội đồng	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...			

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

⁶ Quy định tại điểm e khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 (*Ghi đầy đủ tên của báo cáo giải trình, tiếp thu phù hợp với tên của phiên họp*).

⁷ Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của hội đồng thì giải trình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

(Áp dụng đối với phiên họp Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ)

Kính gửi: “Cơ quan quản lý nhiệm vụ”

Căn cứ Quyết định số/QĐ-..... ngày.....tháng.....năm 20... về việc thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo⁸

Căn cứ Biên bản họp thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày.... tháng....năm.....;

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ xin báo cáo việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Tổ thẩm định và những nội dung chỉnh sửa bổ sung khác⁸ (nếu có) như sau:

TT	Ý kiến tại Biên bản họp thẩm định	Giải trình, tiếp thu của tổ chức chủ trì	Ghi chú
1	Ý kiến 1		
2	Ý kiến 2		
...			

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Họ tên, chức danh, ký và đóng dấu)

⁸ Trong trường hợp chỉnh sửa, bổ sung ngoài ý kiến của Tổ thẩm định thì giải trình.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
(Biểu mẫu này được hoàn thiện và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi ¹	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước ²								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ...		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ..
			Kinh phí	Trong đó, khoán chi	Kinh phí	Trong đó, khoán chi	Kinh phí	Trong đó, khoán chi	...	...				
1	Chi thù lao thực hiện nhiệm vụ													
2	Thuê chuyên gia - Trong nước - Nước ngoài													
3	Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật													
4	Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản													

¹ Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ
² Trong trường hợp có nguồn ngân sách từ địa phương tách thành 2 phần: Ngân sách trung ương (NSTW) và Ngân sách địa phương (NSĐP)

DỰ TOÁN CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Đơn vị tính: triệu đồng

Bảng 1: Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

TT	Nội dung	Số tháng quy đổi	Đơn giá theo định mức ¹	Thành tiền	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Nội dung 1					
	Thành viên chính					
	Thành viên					
	Kỹ thuật viên, Nhân viên hỗ trợ					
2	Nội dung 2					
	Thành viên chính					
	Thành viên					
	Kỹ thuật viên, Nhân viên hỗ trợ					
3	Nội dung 3					
	Thành viên chính					
	Thành viên					
	Kỹ thuật viên, Nhân viên hỗ trợ					
4	Nội dung 4					
	Thành viên chính					
	Thành viên					

	Kỹ thuật viên, Nhân viên hỗ trợ					
5	Nội dung 5					
	Thành viên chính					
	Thành viên					
	Kỹ thuật viên, Nhân viên hỗ trợ					
6	Nội dung 6					
	Thành viên chính					
	Thành viên					
	Kỹ thuật viên, Nhân viên hỗ trợ					
...	...					

Bảng 2. Thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

[illegible]

Bảng 3. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm cả chi mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài cần thiết cho việc phân tích, giải mã với giá thỏa thuận, bí quyết công nghệ để phát triển công nghệ chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước	Tổng số	Các căn cứ xây dựng định mức (Liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, và các căn cứ khác ...)
1	Nội dung 1:				
2	Nội dung 2:				
3	Nội dung 3:				
4	Nội dung 4:				
5	Nội dung 5:				
6	Nội dung 6:				
...	...				

Bảng 4. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngân sách Nhà nước	Ngoài Ngân sách Nhà nước

I	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)					
						
II	Thiết bị công nghệ mua mới					
						
III	Vận chuyển lắp đặt					
IV	Bảo dưỡng, sửa chữa					
Cộng						

Bảng 5. Chi khác

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

[illegible]

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ...¹
bắt đầu thực hiện từ năm 20...

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ²;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét báo cáo kết quả xét chọn/đặt hàng, biên bản thẩm định kinh phí nhiệm vụ. Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức chủ trì, nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Tên nhiệm vụ: “.....”

Mã số nhiệm vụ (nếu có):

Tổ chức chủ trì:

Mục tiêu, nội dung chính:

Sản phẩm

Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng (Bằng chữ:).

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:%.

- Ngoài ngân sách nhà nước³:%.

¹ Ghi tên chương trình, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ (nếu có)

² Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

³ Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

Kinh phí khoán chi:

Phương thức khoán chi: (Khoán toàn bộ/Khoán từng phần) theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Nội dung được phép khoán chi:

Dự kiến sản phẩm đầu ra:

Thời gian thực hiện: tháng (kể từ ngày ký hợp đồng).

Điều 2. Giao [đơn vị quản lý nhiệm vụ] chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức chủ trì ký Hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Thủ trưởng tổ chức chủ trì, Thủ trưởng [đơn vị quản lý nhiệm vụ] và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
QUẢN LÝ NHIỆM VỤ**
(Ký tên và đóng dấu)

2. Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trình tự thực hiện	1. Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ: - Tổ chức chủ trì gửi văn bản đề xuất điều chỉnh kèm theo hồ sơ liên quan đến cơ quan quản lý nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi văn bản đề nghị bổ sung tài liệu minh chứng có liên quan đến các nội dung điều chỉnh; - Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét hồ sơ, trường hợp cần thiết có thể tham vấn chuyên gia, tổ chức hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các bên liên quan; - Trong vòng 15 ngày kể từ ngày được văn bản đề xuất điều chỉnh (hoặc bổ sung tài liệu minh chứng), cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng giao nhiệm vụ hoặc bằng quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh. 2. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai: - Tổ chức chủ trì lập hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo quy định kèm theo công văn đề nghị gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì, cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi văn bản thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ đến tổ chức chủ trì. Sau khi nhận được văn bản thông báo tạm dừng của cơ quan quản lý nhiệm vụ, tổ chức chủ trì phải ngừng toàn bộ các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ. - Trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo quy định. - Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có Kết quả đánh giá nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ “Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ” gồm: - Văn bản đề xuất điều chỉnh theo biểu mẫu BM-21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư và hồ sơ liên quan (nếu có). 2. Thành phần hồ sơ “Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai” gồm: - Công văn đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo biểu mẫu BM-24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư và Hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ (quy định tại điểm c, d, đ, e và i khoản 2 Điều 17 của Nghị định 267/2025/NĐ-CP và báo cáo kết

	quả thực hiện đến thời điểm đề nghị chấm dứt; báo cáo sản phẩm (nếu có); tài liệu khác có liên quan (nếu có)) gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ: Tối đa 15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ). - Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai: Tối đa 45 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ)
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương hoặc các cơ quan, tổ chức trực thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Văn bản điều chỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh theo biểu mẫu BM-22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư. - Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo biểu mẫu BM-25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-21 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số.....
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số /2025/TT-BKHCN ngày /11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức

	thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
--	---

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN (nếu có) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

V/v:

..., ngày... tháng.... năm 20....

ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kính gửi: Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

Tên Nhiệm vụ :

Mã số Nhiệm vụ:..... Số hợp đồng:.....ngày ký.....

Cơ quan, Tổ chức chủ trì:.....

Thời gian thực hiện nhiệm vụ: Từ ngày ... đến ngày

Kinh phí được tài trợ/cấp:

II. CĂN CỨ ĐỀ NGHỊ

- Căn cứ kết quả đánh giá trong kỳ tại Biên bản số ... ngày .../.../... của Đoàn đánh giá trong kỳ (theo khoản 2 và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP);

- Căn cứ khoản 6 và khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định về việc đề nghị điều chỉnh hoặc chấm dứt nhiệm vụ;

- Căn cứ tình hình thực tế triển khai và khả năng hoàn thành các mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ.

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

(Đánh dấu và ghi rõ nội dung cần điều chỉnh)

☐ Thay đổi nội dung nghiên cứu:

☐ Điều chỉnh tiến độ thực hiện: từ .../.../... đến .../.../... (gia hạn thêm ... tháng).

☐ Điều chỉnh cơ cấu kinh phí / nội dung chi:

☐ Điều chỉnh khác:

Lý do điều chỉnh:

Phương án tổ chức thực hiện sau điều chỉnh:

IV. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Biên bản đánh giá trong kỳ (nếu có) (biểu mẫu BM-20);

2. Báo cáo tình hình thực hiện (biểu mẫu BM-19);

3. Bản thuyết minh nội dung đề nghị điều chỉnh;

4. Các tài liệu, minh chứng liên quan.

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

Tổ chức chủ trì cam kết:

- Việc đề nghị điều chỉnh tuân thủ quy định tại khoản 6, 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;
- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của hồ sơ gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ.

Tổ chức chủ trì
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt nội dung điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;**Căn cứ Hợp đồng giao nhiệm vụ số ... ký ngày .../.../... giữa ... (Cơ quan quản lý nhiệm vụ) và ... (Tổ chức chủ trì);**Căn cứ Công văn số ... ngày .../.../... của ... (Tổ chức chủ trì) về việc đề nghị điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ;**Căn cứ Biên bản đánh giá trong kỳ ngày .../.../... của Đoàn đánh giá trong kỳ.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Điều chỉnh Hợp đồng số ... ký ngày .../.../... giữa ... và ..., về việc giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Tên nhiệm vụ:

Mã số (nếu có):

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm:

Nội dung điều chỉnh:

1. Về nội dung:

2. Về tiến độ thực hiện: từ .../.../... đến .../.../...;

3. Về kinh phí và cơ cấu chi:

Điều 2. Các nội dung khác của Hợp đồng không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực.**Điều 3.** Tổ chức chủ trì và các bên liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung điều chỉnh tại Điều 1 của Quyết định này.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà): ... (đơn vị quản lý nhiệm vụ, tổ chức chủ trì, cơ quan, tổ chức có liên quan) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều ...;

- Lưu: VT,

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN (nếu có)
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

V/v:

...., ngày... tháng.... năm 20....

**ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG
NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Kính gửi: Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

Tên Nhiệm vụ :.....

Mã số Nhiệm vụ:.....Số hợp đồng:.....ngày ký.....

Cơ quan, Tổ chức chủ trì:.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Thời gian thực hiện nhiệm vụ: Từ ngày ... đến ngày

Tình hình sử dụng kinh phí:

II. CĂN CỨ ĐỀ NGHỊ...⁴

III. NỘI DUNG

1. Nêu rõ nội dung đề nghị:

2. Đề xuất phương án xử lý sau chấm dứt:

IV. HỒ SƠ KÈM THEO:⁵

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

Tổ chức chủ trì cam kết:

1. Về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp;
2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bàn giao, thanh lý và hoàn trả theo quy định tại Điều 19 Nghị định 267/2025/NĐ-CP;
3. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung đề nghị.

Tổ chức chủ trì

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

⁴ Quy định tại điểm b khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

⁵ Quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;**Căn cứ Hợp đồng giao nhiệm vụ số ... ký ngày .../.../... giữa ... (Cơ quan quản lý nhiệm vụ) và ... (Tổ chức chủ trì);**Căn cứ Công văn số ... ngày .../.../... của Tổ chức chủ trì đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ⁶;**Căn cứ Báo cáo của tổ chức tư vấn/chuyên gia đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ ngày .../.../...;**Xét đề nghị của ... (quản lý nhiệm vụ).***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các nội dung sau đây:.. (Tên nhiệm vụ; tổ chức chủ trì; kết quả đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả; mức độ hoàn thành khối lượng công việc; chất lượng sản phẩm khoa học và công nghệ; tổng kinh phí đã được phê duyệt cho nhiệm vụ; tổng kinh phí đã sử dụng, kinh phí còn lại, kinh phí phải hoàn trả theo quy định (nếu có))**Điều 2. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì:..(Trong việc quản lý, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc bàn giao kết quả cho đơn vị tiếp nhận kết quả/đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả, hoặc các nội dung khác)⁷****Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.****Điều 4.** Đại diện đơn vị quản lý, tổ chức chủ trì và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều ...;

- Lưu: VT,

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

⁶ Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP⁷ Quy định tại Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trình tự thực hiện	- Tổ chức đề xuất đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nộp hồ sơ theo quy định đến cơ quan quản lý nhiệm vụ; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ theo Thông báo, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ; - Việc xét tài trợ, đặt hàng được thông qua hội đồng xét tài trợ, đặt hàng (sau đây gọi tắt là hội đồng) và/hoặc ý kiến của các chuyên gia phản biện; - Trên cơ sở biên bản họp hội đồng, trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất; - Tổ chức đề xuất xem xét tiếp thu ý kiến đóng góp của hội đồng, bổ sung dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến/Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo; - Cơ quan quản lý nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua Tổ thẩm định; - Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định kinh phí, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất. Tổ chức đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán kinh phí và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận thông báo; - Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì tối đa là 110 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: a) Nộp đăng ký ban đầu: - Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ (BM-09). - Thuyết minh nhiệm vụ (BM-10 hoặc BM-11 đối với chuỗi nhiệm vụ).

	- Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì. - Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ (nếu có, BM-12). - Các tài liệu chứng minh năng lực tài chính, hợp tác quốc tế... (tùy thuộc loại hình nhiệm vụ). b) Hoàn thiện sau họp Hội đồng - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng (BM-13). - Thuyết minh nhiệm vụ đã được chỉnh sửa. - Dự toán kinh phí chi tiết (không quá 05 trang). c) Hoàn thiện sau thẩm định kinh phí - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí (BM-14). - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã hoàn thiện (BM-15). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ; - Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả cho tổ chức đề xuất; - Trong vòng 15 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo, tổ chức đề xuất xem xét tiếp thu ý kiến đóng góp của hội đồng, bổ sung dự toán kinh phí chi tiết thực hiện nhiệm vụ và gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ; - Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét, quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì tối đa là 110 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Các Tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng các điều kiện theo quy định.
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc các cơ quan, tổ chức trực thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Biểu mẫu BM-17).
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số.....

	- Thuyết minh tổng quát chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Báo cáo giải trình, tiếp thu của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số.....
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cụ thể: 1. Tổ chức, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là tổ chức) đề nghị xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau: có tư cách pháp nhân, có năng lực, kinh nghiệm, có chức năng, nhiệm vụ hoặc lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5. 2. Tổ chức không được xem xét đặt hàng hoặc tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau: a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký, tổ chức chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá cuối kỳ hoặc đánh giá nghiệm thu đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức đó chủ trì theo quy định của pháp luật; b) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký, tổ chức chưa hoàn trả đủ kinh phí phải thu hồi theo quyết định/văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền; c) Trong thời hạn 01 năm kể từ khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ do có hành vi vi phạm pháp luật; d) Tổ chức đang bị đình chỉ hoạt động, bị xử phạt vi phạm hành chính vì hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, bị kỷ luật, bị khởi tố.

	3. Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phê duyệt theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng cần chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã kết thúc trong 05 năm gần nhất và đạt được các kết quả và mục tiêu đề ra hoặc được đánh giá từ đạt trở lên. 4. Ngoài quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5, tổ chức đề nghị xét tài trợ hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước còn phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với từng loại hình nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền quản lý loại hình nhiệm vụ đó quy định (nếu có) được quy định tại Điều 6 đến Điều 9 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số /2025/TT-BKHCN ngày /11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trình tự thực hiện	1. Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ: - Tổ chức chủ trì gửi văn bản đề xuất điều chỉnh kèm theo hồ sơ liên quan đến cơ quan quản lý nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi văn bản đề nghị bổ sung tài liệu minh chứng có liên quan đến các nội dung điều chỉnh; - Cơ quan quản lý nhiệm vụ xem xét hồ sơ, trường hợp cần thiết có thể tham vấn chuyên gia, tổ chức hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các bên liên quan; - Trong vòng 15 ngày kể từ ngày được văn bản đề xuất điều chỉnh (hoặc bổ sung tài liệu minh chứng), cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng giao nhiệm vụ hoặc bằng quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh. 2. Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai: - Tổ chức chủ trì lập hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo quy định kèm theo công văn đề nghị gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ của tổ chức chủ trì, cơ quan quản lý nhiệm vụ gửi văn bản thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ đến tổ chức chủ trì. Sau khi nhận được văn bản thông báo tạm dừng của cơ quan quản lý nhiệm vụ, tổ chức chủ trì phải ngừng toàn bộ các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ. - Trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo quy định. - Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có Kết quả đánh giá nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ “Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ” gồm: - Văn bản đề xuất điều chỉnh theo biểu mẫu BM-21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư và hồ sơ liên quan (nếu có). 2. Thành phần hồ sơ “Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai” gồm: - Công văn đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo biểu mẫu BM-24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư, hồ sơ đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ gửi đến cơ quan quản lý nhiệm vụ. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	- Điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ: Tối đa 15 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ). - Chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai: Tối đa 45 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ)
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc các cơ quan, tổ chức trực thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền quản lý.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Văn bản điều chỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc quyết định phê duyệt nội dung điều chỉnh theo biểu mẫu BM-22 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư. - Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ theo biểu mẫu BM-25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị điều chỉnh hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-21 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số..... - Đề nghị chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Biểu mẫu BM-24 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số.....
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025; - Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thông tư số /2025/TT-BKHHCN ngày /11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.